

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 01 – 2024
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Tươi.

Ông Ngô Minh Sơn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ng tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện Ng, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Dự E**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện Ng, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày: Bà và ông Trần Văn Dự E tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi, huyện Ng tỉnh Cà Mau. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn phù hợp, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Bà và ông Dự E đã sống

ly thân với nhau khoảng 07 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn Dữ E.

Về con chung: Bà và ông Dữ E có hai người con chung tên Trần Thị Tr, sinh ngày 15/11/2005 và Trần Văn Ch, sinh ngày 09/11/2007. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi Trần Văn Ch, không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với Trần Thị Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu xE xét.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Trần Văn Dữ E đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Dữ E vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bà Trần Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị B khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Văn Dữ E, địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Ng, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ng tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Trần Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên toà. Ông Trần Văn Dữ E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên ông Dữ E vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà B, ông Dữ E tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Trần Văn Dữ E tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Ng tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 196/2010 ngày 04/10/2010, do đó hôn nhân giữa bà B và ông Dữ E là hợp pháp. Bà B trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, đã được gia đình hai bên hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, ông bà đã sống ly thân với nhau khoảng 07 năm nay. Ông Dữ E đã được Toà án tổng đạt thông báo về việc bà B yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà B và ông Dữ E là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà B và ông Dữ E vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Xét thấy, hôn nhân của bà B và ông Dữ E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận

yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị B đối với ông Trần Văn Dự E theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà B và ông Dự E có hai người con chung tên Trần Thị Tr, sinh ngày 15/11/2005 và Trần Văn Ch, sinh ngày 09/11/2007. Sau khi ly hôn, bà B yêu cầu được nuôi Trần Văn Ch, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông Dự E đã được Toà án thông báo về yêu cầu nuôi con của bà B nhưng ông không có ý kiến phản hồi. Mặt khác, tại Đơn nguyện vọng ngày 12/11/2023 cháu Ch có nguyện vọng được sống cùng với bà B. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt và theo nguyện vọng của cháu Ch nên cần giao Trần Văn Ch cho bà B nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với Trần Thị Tr hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu xét. Ông Dự E không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị B phải nộp 300.000 đồng. Bà B đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020611 ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị B, bà Trần Thị B được ly hôn với ông Trần Văn Dự E.

Về con chung: Giao người con chung tên Trần Văn Ch, sinh ngày 09/11/2007 cho bà B nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu

cầu đặt ra xE xét. Đối với Trần Thị Tr hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xE xét.

Ông Dự E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà B.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xE xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị B phải nộp 300.000 đồng. Bà B đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020611 ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ng;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đ, huyện Ng;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Dung

